

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/HSST

Ngày 20-11-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đức và ông Phan Hữu Tỷ

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Thành – Thư ký

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa:
Bà Cao Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 59/2023/TLST - HS ngày 19 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh năm 1976, tại tỉnh Thanh Hoá; nơi ĐKHKTT: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; bị cáo có vợ Mai Thị L (đã ly hôn) và có 02 con; nhân thân: Ngày 20-8-2012 bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 14 năm tù, về tội “Giết người” tại bản án hình sự phúc thẩm số 767/2012/HSPT, đã được xóa án tích; bị bắt tạm giữ ngày 15-8-2023, sau đó chuyển tạm giam - có mặt.

- Bị hại: Anh Ninh Văn H, chị Phạm Thị L; địa chỉ: bon R, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Phan Văn T, địa chỉ: Bon R, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

+ Anh Bùi Văn T, địa chỉ: Đường X, phường 7, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn T là người làm thuê cho trang trại của cho vợ chồng anh Ninh Văn H và chị Phạm Thị L, tại Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Ngày 22-10-2022, do anh Bùi Văn T là người đang chăm sóc, quản lý trang trại nuôi dê của vợ chồng anh H ở khu vực tỉnh lộ 6 thuộc thôn Q, xã Q xin nghỉ việc và thời gian này anh H không có ở nhà, nên chị L thỏa thuận giao cho T quản lý, chăm sóc trang trại dê. Theo đó, T có trách nhiệm quản lý, chăm sóc đàn dê hằng ngày và được trả công 5.500.000 đồng/tháng, nếu dê bị mất thì T phải bồi thường cho vợ chồng anh H, chị L. Khi bàn giao chị L, T và anh T kiểm đếm tổng số lượng dê là 63 con, không xác định cụ thể đặc điểm, trọng lượng từng con *(việc thỏa thuận, giao đàn dê cho T quản lý, chăm sóc thì giữa chị L và T chỉ thỏa thuận, bàn giao bằng miệng, không lập biên bản hay làm, ký kết bất cứ giấy tờ gì)*.

Sau khi nhận bàn giao quản lý, chăm sóc đàn dê, do không được gia đình anh H tạm ứng trước tiền công và không có tiền tiêu xài cá nhân, nên T nảy sinh ý định bán dê của gia đình anh H để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Cuối tháng 10-2022, Anh Phan Văn T là người chuyên thu mua dê đến trang trại dê của gia đình anh H gặp T và hỏi mua dê thì T đồng ý bán dê cho anh T *(T và anh T không nhớ ngày cụ thể, khoảng từ ngày 27-10-2022 đến ngày 29-10-2022)*. T dẫn anh T vào bên trong chuồng dê để anh T chọn. Sau khi anh T chọn 01 con dê đực và 01 con dê cái, thì T thống nhất bán 02 con dê này cho anh T với giá 3.400.000 đồng *(01 con dê đực với giá 2.000.000 đồng và 01 con dê cái với giá 1.400.000 đồng)*, tuy nhiên anh T không bắt dê ngay, mà hẹn ngày khác sẽ đến trả tiền và bắt dê luôn. Sau đó, 02 ngày anh T đến bắt dê và đã trả đủ tiền mua dê cho T. Khi về đến nhà, anh T cân 02 con dê đã mua của T, kết quả là con dê đực có trọng lượng 22 kg và con dê cái có trọng lượng 18 kg. Sau đó, anh T bán lại 02 con dê đã mua của T cho một người khác *(anh T không nhớ ngày bán và bán cho ai)* với tổng số tiền 4.300.000 đồng.

Đến tháng 12-2022, anh H phát hiện bị mất dê và hỏi T có bán dê không, thì T không thừa nhận mình đã bán dê, mà cho rằng do dê bị ốm chết nhiều. Sau đó, anh H đã gửi đơn trình báo đến cơ quan Công an huyện Đắk Glong. Tiến hành làm việc Phạm Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra, Phạm Văn T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐGTS ngày 12-6-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đắk Glong kết luận như sau:

Giá trị 02 con dê bao gồm 01 con dê đực trọng lượng 22 kg và 01 con dê cái trọng lượng 18 kg từ ngày 27-10-2022 đến ngày 29-10-2022 là 5.040.000 đồng (*Năm triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng*).

Vật chứng của vụ án: Đối với 02 con dê T bán cho Anh Phan Văn T, sau khi mua của T, anh T bán lại cho người khác, không xác định được người mua dê của anh T nên không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Ninh Văn H không yêu cầu Phạm Văn T bồi thường.

Cáo trạng số 60/CT-VKS, ngày 18-10-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, tính chất mức độ, hành vi phạm tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù; về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, truy thu của bị cáo số tiền 3.400.000 đồng sung quỹ Nhà nước; về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Đối với số dê bị mất theo đơn tố giác của anh Ninh Văn H và hành vi bán dê trong 03 lần khác (*theo lời khai của Phạm Văn T*), không xác định được người mua dê, không có tài liệu, chứng cứ khác chứng minh nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với Anh Phan Văn T là người mua dê nhưng không biết Phạm Văn T không phải là chủ sở hữu nên không đề cập xử lý.

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Glong; Kiểm sát viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại không khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Ngày 20-10-2022, Phạm Văn T được chị Phạm Thị L giao quản lý, chăm sóc trang trại dê của gia đình chị L và anh Ninh Văn H ở khu vực tỉnh lộ 6 thuộc Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Sau khi được giao quản lý, chăm sóc trang trại dê, đến khoảng thời gian từ ngày 27-10-2022 đến ngày 29-10-2022, T đã thực hiện hành vi chiếm đoạt 02 con dê của gia đình anh H, chị L bằng cách tự ý bán 02 con dê của gia đình anh H, chị L cho Anh Phan Văn T, rồi sử dụng số tiền bán dê này vào mục đích tiêu xài cá nhân, dẫn đến không có khả năng trả lại dê cho gia đình anh H. Giá trị 02 con dê bị cáo đã chiếm đoạt được Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Đắk Glong kết luận là 5.040.000 đồng. Do vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Điều 175 Bộ luật Hình sự quy định như sau:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.”

...

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, ảnh hưởng đến an toàn xã hội. Về nhân thân: Năm 2012 bị cáo đã bị xử phạt 14 năm tù về tội “Giết người”, bị cáo không lấy làm bài học, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm, tương xứng đối với bị cáo nhằm giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự, HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát truy tố hành vi phạm tội của bị cáo và đề nghị mức hình phạt là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Đối với Anh Phan Văn T là người mua dê nhưng không biết Phạm Văn T không phải là chủ sở hữu nên không đề cập xử lý

Đối với số dê bị mất theo đơn tố giác của anh Ninh Văn H và hành vi bán dê trong 03 lần khác (*theo lời khai của Phạm Văn T*), không xác định được người mua dê, không có tài liệu, chứng cứ khác chứng minh nên không có căn cứ để xử lý.

[7]. Về vật chứng: Xét số tiền bị cáo bán dê cho Anh Phan Văn T là 3.400.000 đồng, đây là số tiền thu lợi bất chính mà có nên cần truy thu đối với bị cáo số tiền này để nộp Ngân sách nhà nước là phù hợp.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét giải quyết.

[10]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 175; các điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 15-8-2023).

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét giải quyết.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: truy thu của bị cáo số tiền thu lợi bất chính là 3.400.000 đồng nộp Ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Công an huyện Đắk Glong;
- Bộ phận hồ sơ Công an huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đắk Glong;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(ĐÃ KÝ)

Phạm Đình Hưng